

TỜ TRÌNH

Về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ

Kính gửi:

- Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại văn bản số 69/UBTVQH16-PLTP¹ và ý kiến của Chính phủ tại văn bản số 326/CP-PL² gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề xuất đưa dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ vào Chương trình Kỳ họp không thường lệ của Quốc hội (cuối tháng 7 hoặc đầu tháng 8/2026), Chính phủ kính trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ (sau đây gọi chung là dự án Luật).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong thời gian gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản, đề ra các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi; đồng thời hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, nổi bật là:

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII xác định “*Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân quyền, phân cấp, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi*”; “*Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, cản trở cạnh tranh lành mạnh*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá

¹ Văn bản số 69/UBTVQH16-PLTP ngày 02/6/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến các dự án, nội dung đưa vào Chương trình Kỳ họp không thường lệ.

² Văn bản số 326/CP-PL ngày 09/6/2026 của Chính phủ về dự kiến các dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội tại Kỳ họp không thường lệ.

phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định: “Đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính; ...”, “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, ... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, ..., đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính;”; “Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới nêu rõ “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân quyền, phân cấp tối đa.”, “Triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân yêu cầu: “Hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo. Triển khai mạnh mẽ việc cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính”.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đã yêu cầu “Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, ..., giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm”.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy định pháp luật yêu cầu: “Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn,; bảo đảm cơ sở pháp lý và các điều kiện để đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân quyền, phân cấp;”.

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”: “Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương) và phấn đấu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết”.

- Kết luận 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới yêu cầu: “Không ban hành một văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác khi các văn bản đó không có

mối liên hệ chặt chẽ về nội dung hoặc không cùng điều chỉnh một nhóm lĩnh vực.”.

- Điểm b, c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 206/2025/QH15 về phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật quy định “*Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để quy định vấn đề mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định hiện hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*” và “*Ban hành nghị quyết của Chính phủ, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung, thay thế theo phương án quy định tại điểm b khoản này*”. Đồng thời, khoản 4 Điều 6 của Nghị quyết về tổ chức thực hiện quy định “*Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xử lý các văn bản được điều chỉnh bởi nghị quyết của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết này trước ngày 01 tháng 3 năm 2027*”.

- Khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội quy định: “*2. Trường hợp cần ban hành luật, nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm thì cơ quan trình áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng dự án; gửi hồ sơ dự án để Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đồng thời quyết định việc bổ sung vào dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, thông qua*.”.

- Công văn số 69/UBTVQH16-PLTP ngày 02/6/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến các dự án, nội dung đưa vào Chương trình Kỳ họp không thường lệ đã cho phép “*Đối với các dự án chưa có trong Chương trình lập pháp năm 2026 nhưng đề xuất bổ sung trình tại Kỳ họp không thường lệ, đề nghị thực hiện theo quy trình “2 trong 1”, theo đó Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về nội dung dự án đồng thời với việc xem xét, quyết định bổ sung vào Chương trình nhằm rút ngắn thời gian, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong công tác chuẩn bị*.”; “*Có thể áp dụng phương án dùng một văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Qua quá trình tổ chức thi hành Luật Tàn số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ, một số quy định đã bộc lộ vướng mắc, bất cập, nhất là trong thực hiện thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và yêu cầu bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật và rà soát các quy định hiện hành, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP, Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP và Nghị quyết số

66.18/2026/NQ-CP để quyết định các chủ trương, giải pháp về sử dụng chung hạ tầng viễn thông phục vụ quốc phòng, an ninh; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; phân quyền, phân cấp và xử lý một số vấn đề về thẩm quyền quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đối với một số nội dung thuộc phạm vi được Quốc hội cho phép xử lý ngay theo điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 206/2025/QH15, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 133/2025/NĐ-CP để triển khai thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện cho thấy các quy định tại Nghị định đã góp phần tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên, đây là giải pháp được thực hiện theo cơ chế đặc thù của Nghị quyết số 206/2025/QH15, vì vậy cần được tiếp tục rà soát, luật hóa trong dự án Luật này để bảo đảm tính ổn định, thống nhất và lâu dài của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở đó, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các quy định của 04 luật nêu trên nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách đã được Chính phủ quyết định tại các Nghị quyết nêu trên, đồng thời luật hóa các nội dung của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP đã được thực tiễn kiểm nghiệm, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở các nhóm chính sách nêu trên, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung cụ thể sau:

2.1. Về Luật Tàn số vô tuyến điện

2.1.1. Về cắt giảm các điều kiện liên quan đến cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Hiện nay, một số điều kiện liên quan đến cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện không phải là căn cứ trực tiếp để cơ quan nhà nước xem xét, quyết định việc cấp phép mà thực chất là các yêu cầu tuân thủ đã được điều chỉnh bằng các cơ chế quản lý khác trong chính Luật Tàn số vô tuyến điện hoặc trong pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Việc tiếp tục duy trì các quy định này như điều kiện cấp phép làm phát sinh trách nhiệm chứng minh, gia tăng thành phần hồ sơ, thủ tục và chi phí tuân thủ đối với tổ chức, cá nhân nhưng không làm tăng hiệu quả quản lý nhà nước. Vì vậy, cần sửa đổi Luật Tàn số vô tuyến điện theo hướng bãi bỏ các điều kiện không còn cần thiết trong khâu cấp phép, bảo đảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm gánh nặng tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu, mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện thông qua các cơ chế quản lý được quy định tại Luật Tàn số vô tuyến điện và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2.1.2. Về hoàn thiện quy định pháp luật để cắt giảm ngành, nghề “Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên” tại Luật Đầu tư

Hiện nay, ngành, nghề “Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên” đang thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư; đồng thời Luật Tàn số vô tuyến điện cũng có các quy định liên quan đến đào tạo,

cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên tại điểm h khoản 2 Điều 5 và Điều 32. Tuy nhiên, qua rà soát, Chính phủ nhận thấy việc tiếp tục duy trì hoạt động này là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong Luật Đầu tư và duy trì các quy định tương ứng trong Luật Tàn số vô tuyến điện là không còn phù hợp, do các yêu cầu về đào tạo, huấn luyện, sát hạch đối với người khai thác thiết bị vô tuyến điện trong từng lĩnh vực hiện đã được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành có liên quan, phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, theo các điều ước quốc tế yêu cầu đặt ra là bảo đảm năng lực của người khai thác thiết bị vô tuyến điện.

Theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) mà Bộ Khoa học và Công nghệ là đại diện của Việt Nam tại ITU, người khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc các nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không và vô tuyến điện nghiệp dư phải đáp ứng năng lực tối thiểu thông qua chứng chỉ hoặc giấy phép phù hợp. Tuy nhiên, ITU không quy định về hoạt động đào tạo, cơ sở đào tạo hoặc điều kiện kinh doanh đối với hoạt động đào tạo.

Đối với lĩnh vực hàng hải và hàng không dân dụng, Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) và Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) mà Bộ Xây dựng là đại diện của Việt Nam tại IMO, ICAO đã có các quy định về đào tạo, huấn luyện, sát hạch và cấp chứng chỉ nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động hàng hải, hàng không.

Thứ hai, trong hệ thống pháp luật chuyên ngành hiện hành, các nội dung về đào tạo, huấn luyện, sát hạch, cấp chứng chỉ đối với người khai thác thiết bị vô tuyến điện trong từng lĩnh vực đã được điều chỉnh tương đối đầy đủ.

- Đối với nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư:

Đây là hoạt động mang tính tự nguyện, nghiên cứu, thử nghiệm kỹ thuật và giao lưu vô tuyến điện, không phải hoạt động nghề nghiệp. Do đó, pháp luật hiện hành không đặt ra yêu cầu về cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo đối với nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư; việc bảo đảm năng lực khai thác thiết bị vô tuyến điện được thực hiện thông qua cơ chế sát hạch kiến thức theo yêu cầu tối thiểu của ITU.

- Đối với nghiệp vụ di động hàng không, hàng hải trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh:

Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và Luật Công an nhân dân đã quy định về đào tạo, bồi dưỡng và quản lý nhân sự theo yêu cầu nhiệm vụ. Theo đó, việc đào tạo, huấn luyện, đánh giá năng lực chuyên môn đối với người khai thác thiết bị vô tuyến điện được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Đối với nghiệp vụ di động hàng không, hàng hải trong lĩnh vực dân sự:

+ Đối với nghiệp vụ di động hàng không: Luật Hàng không dân dụng Việt

Nam đã quy định đầy đủ về đào tạo, huấn luyện, sát hạch và cấp giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đối với nhân viên hàng không. Theo đó, nhân viên hàng không phải có giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận; đồng thời Luật giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về tiêu chuẩn chuyên môn, chương trình đào tạo, huấn luyện, kiểm tra, sát hạch cũng như trình tự, thủ tục cấp và công nhận giấy phép, chứng chỉ chuyên môn của nhân viên hàng không. *Các quy định này đã bao quát đầy đủ các yêu cầu về năng lực đối với người khai thác, sử dụng thiết bị vô tuyến điện.*

+ Đối với nghiệp vụ di động hàng hải: Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định đầy đủ về hoạt động đào tạo, huấn luyện, đánh giá năng lực và cấp chứng chỉ chuyên môn đối với thuyền viên. Theo đó, các nội dung liên quan đến điều kiện cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo, tiêu chuẩn chuyên môn, đánh giá năng lực và cấp chứng chỉ được thực hiện thống nhất trong hệ thống pháp luật hàng hải trên cơ sở các tiêu chuẩn của Công ước về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên - STCW.

Đối với người khai thác thiết bị vô tuyến điện hàng hải, cùng với quá trình triển khai Hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu (GMDSS), các yêu cầu về năng lực đối với người khai thác, sử dụng thiết bị vô tuyến điện đã từng bước được tích hợp vào hệ thống đào tạo, huấn luyện và cấp chứng chỉ thuyền viên theo Công ước STCW và các hướng dẫn của IMO. *Các quy định này đã được nội luật hóa đồng thời trong hệ thống pháp luật về hàng hải và pháp luật về tần số vô tuyến điện.*

Trên thực tế, hiện nay Bộ Xây dựng đang quản lý ngành, nghề “*đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải*” và “*đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không*” (số thứ tự 70 và 81) theo quy định của Luật Đầu tư, trong đó có nội dung liên quan đến việc bảo đảm năng lực của người khai thác thiết bị vô tuyến điện.

Trên cơ sở đó, việc tiếp tục quy định nội dung *đào tạo vô tuyến điện viên* trong Luật Tần số vô tuyến điện có khả năng dẫn đến sự giao thoa, chồng chéo với pháp luật chuyên ngành trong khi đây không phải là nội dung được ITU quy định hoặc yêu cầu thống nhất giữa các quốc gia thành viên.

Vì vậy, Điều 32 cần được sửa đổi để bãi bỏ các quy định liên quan đến việc *đào tạo vô tuyến điện viên*. Đồng thời, do việc đào tạo chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải đang được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2023/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Tần số vô tuyến điện³ nên để việc cắt giảm ngành, nghề “*Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên*” tại Luật Đầu tư không làm gián đoạn hoạt động đào tạo chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải thì cần thiết phải sửa đổi Điều 32 Luật Tần số vô tuyến điện và Nghị định số 29/2017/NĐ-CP quy định về đào, huấn luyện thuyền viên hàng hải.

Để giải quyết vấn đề bất cập trên đây, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số

³ Nghị định số 63/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15.

66.17/2026/NQ-CP và Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, theo đó đưa ngành, nghề “đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên” ra khỏi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, đồng thời yêu cầu rà soát, sửa đổi các quy định có liên quan tại Luật Tần số vô tuyến điện và Nghị định số 29/2017/NĐ-CP nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và không tạo khoảng trống pháp lý khi cắt giảm ngành, nghề “Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên” tại Luật Đầu tư⁴.

Từ các căn cứ nêu trên, cần sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 5 và Điều 32 của Luật Tần số vô tuyến điện theo hướng: (1) Bãi bỏ các quy định liên quan đến việc đào tạo vô tuyến điện viên; (2) Phân định rõ thẩm quyền quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc cấp, thu hồi chứng chỉ của các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Công an, Xây dựng.

2.1.3. Về hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ quốc phòng, an ninh

Qua rà soát, băng tần thông tin di động được cấp theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được cấp trực tiếp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh sử dụng để triển khai mạng viễn thông phục vụ đồng thời mục tiêu phát triển kinh tế và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Việc đầu tư, xây dựng và vận hành mạng viễn thông di động đòi hỏi nguồn lực lớn, bao gồm đầu tư hạ tầng vô tuyến, truyền dẫn, nền tảng số, trung tâm dữ liệu, hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh mạng và các hệ thống kỹ thuật liên quan. Thực tiễn cho thấy chu kỳ đầu tư, thu hồi vốn và khấu hao đối với các dự án mạng di động thường kéo dài từ 05 đến 10 năm hoặc lâu hơn đối với các công nghệ mới.

Trong khi đó, thời hạn cấp phép sử dụng băng tần không quá 03 năm theo quy định hiện hành chỉ phù hợp với giai đoạn đánh giá ban đầu tính khả thi của đề án, chưa tạo được tính ổn định cần thiết để doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn và dài hạn, từ đó có thể ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài

⁴ Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP quy định: “2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn nghề đối với những ngành, nghề được cắt giảm tại Nghị quyết này (trong trường hợp cần thiết), từ đó xây dựng quy trình, thủ tục để quản lý theo phương thức hậu kiểm trước ngày 01 tháng 7 năm 2026.”.

Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP quy định “1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm: ...b) Tham mưu cho Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này để phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.

Số thứ tự 29 mục I Phụ lục II Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP yêu cầu sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 5 và Điều 32 Luật Tần số vô tuyến điện. Số thứ tự 29 mục II Phụ lục II Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP yêu cầu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

nguyên tần số và hiệu quả đầu tư hạ tầng viễn thông phục vụ đồng thời nhiệm vụ phát triển kinh tế và quốc phòng, an ninh.

Mặt khác, pháp luật hiện hành đã thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với trường hợp cấp phép này. Theo đó, việc cấp phép chỉ được thực hiện khi có đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đề án phải xác định cụ thể nhiệm vụ quốc phòng, an ninh giao cho doanh nghiệp thực hiện; bảo đảm lượng tần số phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chiếm tỷ lệ cơ bản trên tổng lượng tần số đề nghị cấp phép; đồng thời, phải thực hiện đánh giá kết quả triển khai đề án trước khi xem xét tiếp tục thực hiện. Do đó, việc kéo dài thời hạn cấp phép ban đầu từ 03 năm lên 05 năm không làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước, vẫn bảo đảm sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan có thẩm quyền đối với việc sử dụng tần số và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Ngày 15/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đã khẳng định tính chất lưỡng dụng của hạ tầng viễn thông và thiết lập cơ chế huy động, sử dụng hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Nghị quyết quy định việc sử dụng chung hạ tầng phải bảo đảm *“Sử dụng đúng mục đích, đúng phạm vi, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm; tránh lãng phí, chồng chéo.”*. Điều này cho thấy việc đầu tư và khai thác hạ tầng viễn thông lưỡng dụng là hoạt động có tính trung hạn và dài hạn, đòi hỏi cơ chế pháp lý ổn định tương ứng.

Vì vậy, việc sửa đổi quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 để điều chỉnh thời hạn cấp phép sử dụng băng tần đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh từ không quá 03 năm lên 05 năm và điều chỉnh thời gian đánh giá việc thực hiện đề án của doanh nghiệp là từ 03 tháng trước khi giấy phép hết hạn thành 09 tháng trước khi hết hạn là phù hợp với đặc thù đầu tư hạ tầng viễn thông, bảo đảm sử dụng hiệu quả tài nguyên tần số, đồng thời bảo đảm tính thống nhất với chủ trương của Nhà nước về phát triển và khai thác hạ tầng viễn thông lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh.

2.2. Về Luật Viễn thông

2.2.1. Về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

Hiện nay, Điều 36 Luật Viễn thông quy định các điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, trong đó có các điều kiện về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp và về phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh. Qua rà soát, Chính phủ nhận thấy một số điều kiện tại Điều 36 có thể được đơn giản hóa mà vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, đồng thời góp phần giảm gánh nặng thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Cụ thể:

- Đối với điều kiện kinh doanh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 (*“Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”*), thực tiễn cho thấy việc duy trì điều kiện này không có nhiều ý nghĩa

về mặt quản lý do trên thực tế không phát sinh trường hợp doanh nghiệp đang trong quá trình giải thể, phá sản đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

- Đối với điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36, Luật hiện hành yêu cầu doanh nghiệp phải có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Thực tế triển khai cho thấy một số nội dung trong phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh có thể được tích hợp, lược bớt hoặc thể hiện theo hướng đơn giản hơn trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông mà vẫn bảo đảm đầy đủ thông tin phục vụ công tác cấp phép.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, trong đó xác định nội dung cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông, bao gồm việc bãi bỏ điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 và đơn giản hóa điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36 của Luật Viễn thông.

Việc sửa đổi các quy định nêu trên nhằm giảm gánh nặng thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động viễn thông. Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, khi bãi bỏ điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36, cần rà soát, sửa đổi các quy định có liên quan tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 36 và Điều 37 của Luật Viễn thông.

2.2.2. Về hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ quốc phòng, an ninh

Ngày 15/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Qua rà soát thấy rằng, Luật Viễn thông đã có quy định về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông, trong đó điểm b khoản 1 Điều 47 cho phép chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa doanh nghiệp viễn thông với các cơ quan, tổ chức trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh nhằm bảo đảm yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, một số quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 47 chưa thực sự phù hợp để triển khai các cơ chế đặc thù về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đã được quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP. Cụ thể:

- Đối với khoản 2 Điều 47, Luật hiện hành quy định việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông được thực hiện thông qua hợp đồng trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan. Trong khi đó, Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP quy định việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông giữa doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh được thực hiện theo

hình thức văn bản thỏa thuận sử dụng chung, theo cơ chế sử dụng miễn phí. Do đó, nếu Luật chỉ quy định hình thức “hợp đồng” thì có thể dẫn đến cách hiểu việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trong trường hợp này phải tuân theo khuôn khổ hợp đồng thông thường, bao gồm cả nội dung về giá, chưa thực sự phù hợp với cơ chế chia sẻ đặc thù phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Đối khoản 3 Điều 47, Luật hiện hành quy định trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông thì thực hiện hiệp thương theo quy định của pháp luật về giá. Tuy nhiên, theo Luật Giá, cơ chế hiệp thương giá được áp dụng đối với các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, không áp dụng đối với trường hợp chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, tổ chức trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Đối với khoản 4 Điều 47, Luật hiện hành mới quy định Chính phủ quy định chi tiết việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông nói chung, chưa làm rõ cơ sở pháp lý để Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Qua rà soát thấy rằng, sau khi xử lý các vướng mắc tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47, các nội dung còn lại liên quan đến cơ chế chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh về cơ bản thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ và cần được thiết kế theo hướng bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện.

Để thể chế hóa ổn định các cơ chế, chính sách đã được triển khai theo Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP, đồng thời bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật Giá và hoàn thiện cơ sở pháp lý ở cấp luật để Chính phủ quy định chi tiết theo thẩm quyền, cần rà soát, sửa đổi các quy định nêu trên tại Điều 47 Luật Viễn thông.

2.2.3. Về bãi bỏ nội dung Chính phủ quy định điều kiện hoạt động đối với dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền

Hiện nay, khoản 4 Điều 48 Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định chi tiết điều kiện hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền. Qua rà soát, hoạt động “*dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền*” không còn cần thiết tiếp tục duy trì là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, theo đó đưa hoạt động “*dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền*” ra khỏi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; đồng thời, tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, Chính phủ xác định không tiếp tục quy định chi tiết điều kiện hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền theo khoản 4 Điều 48 Luật Viễn thông.

Việc duy trì quy định giao Chính phủ quy định về “*điều kiện hoạt động*” trong khi hoạt động này không còn thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ không bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và không phù hợp với chủ trương cắt giảm điều kiện kinh doanh của Đảng và Nhà nước.

Do đó, cần sửa đổi khoản 4 Điều 48 Luật Viễn thông theo hướng bãi bỏ cụm từ “*điều kiện hoạt động*”, đồng thời rà soát, hoàn thiện các quy định có liên quan

nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa Luật Viễn thông với Luật Đầu tư và các Nghị quyết của Chính phủ.

Việc sửa đổi này thể hiện định hướng chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong quản lý nhà nước; Nhà nước không đặt ra điều kiện gia nhập thị trường đối với hoạt động đăng ký, duy trì tên miền mà tập trung vào việc giám sát việc tuân thủ pháp luật, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong quá trình hoạt động, qua đó vừa bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước vừa tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp.

2.3. Về Luật Giao dịch điện tử

Khoản 4 Điều 28 Luật Giao dịch điện tử giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, hồ sơ gia hạn và thay đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai, có một số thủ tục hành chính không còn đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay, trong khi hiệu quả quản lý vẫn có thể được bảo đảm thông qua việc khai thác dữ liệu dùng chung và cơ chế cấp phép theo quy định hiện hành. Cụ thể:

- Đối với thủ tục thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy, hiện nay các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã từng bước được kết nối, chia sẻ và liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương. Nhiều thông tin cơ bản của doanh nghiệp đã được quản lý tập trung và được cập nhật trực tiếp từ dữ liệu gốc. Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính riêng để cập nhật các thông tin thay đổi đã có trong các cơ sở dữ liệu dùng chung là không còn cần thiết, làm phát sinh thêm chi phí và thời gian tuân thủ cho doanh nghiệp.

- Đối với thủ tục gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy, pháp luật về giao dịch điện tử hiện hành đã quy định doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục kinh doanh dịch vụ tin cậy phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép tối thiểu 90 ngày trước ngày giấy phép hết hiệu lực. Theo đó, mục tiêu quản lý nhà nước đối với việc xem xét cho phép doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh dịch vụ tin cậy sau khi giấy phép hết hiệu lực đã được bảo đảm thông qua cơ chế cấp lại giấy phép; vì vậy việc tiếp tục duy trì một thủ tục hành chính riêng về gia hạn giấy phép không còn cần thiết.

Từ các căn cứ nêu trên, cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Giao dịch điện tử theo hướng bãi bỏ thủ tục hành chính gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy và thủ tục hành chính thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy. Việc sửa đổi này nhằm cắt giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước, đồng thời phù hợp với chủ trương chuyển mạnh từ phương thức quản lý dựa trên hồ sơ giấy sang quản lý dựa trên dữ liệu, tăng cường kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

2.4. Về Luật Chuyển giao công nghệ

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về “*Tiếp tục đẩy mạnh cải cách*

hành chính, tăng cường phân quyền, phân cấp, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi”, việc rà soát các chương trình, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ cho thấy nội dung quy định về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cần được đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, phê duyệt, ban hành các chương trình, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ.

Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 là văn bản pháp luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Trong đó, khoản 2 Điều 41 quy định: *“Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình để phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia”*. Khoản 2 Điều 54 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm: *“Chủ trì xây dựng chương trình, đề án, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”*.

Đồng thời, tại điểm 6 và 7 Mục IV Phụ lục III Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao phối hợp với các bộ, ngành thực hiện nhiệm vụ *“Xây dựng Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ trong khu vực công”* và *“Xây dựng Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội quốc gia”* trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành trong năm 2026 - 2027. Hiện tại, Bộ Khoa học và công nghệ đang xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án tái cấu trúc các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2026 – 2035, trong đó có báo cáo về việc tích hợp 02 nhiệm vụ nêu trên vào Chương trình quốc gia về phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Trên cơ sở Đề án được Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt, Bộ Khoa học và công nghệ sẽ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, kể từ khi Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã có những quy định thống nhất về xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và quản lý các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. Tại khoản 3 Điều 17 của Luật quy định: *“Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức thực hiện chương trình khoa*

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia”.

Về bản chất, các chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ, nhập khẩu công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ được quy định trong Luật Chuyển giao công nghệ là các công cụ chính sách nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ và ứng dụng tri thức vào sản xuất, kinh doanh và đời sống. Đây là những nội dung quan trọng thuộc hệ thống các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Do đó, các quy định của Luật Chuyển giao công nghệ về thẩm quyền xây dựng, phê duyệt, ban hành chương trình; trình tự, thủ tục thực hiện; cơ chế thẩm định; quản lý, bố trí và sử dụng ngân sách nhà nước đối với các chương trình cần được rà soát, sửa đổi để bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc sửa đổi nhằm khắc phục tình trạng cùng một loại chương trình nhưng được điều chỉnh bởi các quy định khác nhau về thẩm quyền, quy trình và cơ chế tài chính; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật và tránh chồng chéo trong tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, để thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong bối cảnh chưa thể sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. Theo đó, tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP, thẩm quyền phê duyệt chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 41 và thẩm quyền quyết định các chương trình, đề án, chính sách quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Chuyển giao công nghệ đã được phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện.

Xuất phát từ các căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41 và khoản 2 Điều 54 Luật Chuyển giao công nghệ 2017 là cần thiết nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp; khắc phục sự chồng chéo, bất cập trong xác định thẩm quyền và tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

3. Nhận xét

Qua rà soát quá trình tổ chức thi hành Luật Tàn số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ cho thấy các vướng mắc, bất cập chủ yếu tập trung ở một số nhóm vấn đề chung, gồm: (i) phân quyền, phân cấp trong thực hiện thẩm quyền quản lý nhà nước; (ii) cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; (iii) cắt giảm điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không còn phù hợp; và (iv) bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở kết quả rà soát nêu trên, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP, Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP, Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP để kịp thời xử lý một số khó khăn, vướng mắc trong khi chưa kịp sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan. Các nghị quyết, nghị định này đã xác định cụ thể các nội dung cần phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và xử lý một số vấn đề về thẩm quyền quản lý nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của 04 luật nêu trên.

Tuy nhiên, các cơ chế nêu trên chỉ là giải pháp xử lý trong giai đoạn chuyển tiếp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn; đồng thời theo khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 206/2025/QH15, các văn bản được điều chỉnh bởi nghị quyết của Chính phủ phải được xử lý bằng văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật Tàn số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ để luật hóa các nội dung đã được rà soát, xác định rõ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Do nội dung sửa đổi, bổ sung của 04 luật đều tập trung vào cùng một nhóm vấn đề là phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và hoàn thiện quy định để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; không mở rộng sang các nội dung chính sách khác, nên các nội dung này có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung và cùng điều chỉnh một nhóm vấn đề liên thông.

Dự thảo Luật không sửa đổi các chính sách cơ bản của 04 luật, không mở rộng phạm vi điều chỉnh, không bổ sung nhóm chính sách mới độc lập mà chỉ tập trung luật hóa các nội dung đã được rà soát, xử lý theo nghị quyết, nghị định của Chính phủ và sửa đổi đồng bộ các quy định có liên quan để bảo đảm tính thống nhất, khả thi trong tổ chức thi hành.

Đây là các vấn đề cấp bách phát sinh từ thực tiễn nhằm bảo đảm tính liên tục của cơ sở pháp lý cho các chính sách đang được triển khai hiệu quả. Trường hợp không kịp thời sửa đổi các luật có liên quan trước khi các cơ chế đặc thù hết hiệu lực sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện các chủ trương cải cách thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp và hoạt động quản lý nhà nước, cũng như quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở thực tiễn đã trình bày ở trên, việc xây dựng một luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 luật là phù hợp với yêu cầu tại Kết luận số 09-KL/TW của Bộ Chính trị và Công văn số 69/UBTVQH16-PLTP của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đồng thời do nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm và cần được trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp gần nhất để kịp thời luật hóa các cơ chế về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh đang được thực hiện theo các nghị quyết của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP nên dự

thảo Luật đáp ứng điều kiện áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 206/2025/QH15 khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành

Việc xây dựng dự án Luật nhằm bảo đảm thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; đẩy mạnh phân quyền, tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, bình đẳng, thuận lợi cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu cấp bách của thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

- Thể chế hóa, thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đẩy mạnh phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; đồng thời việc sửa đổi, bổ sung các luật chỉ tập trung vào các nội dung đã được rà soát, xác định cần xử lý cấp bách trong thực tiễn thi hành, không mở rộng sang các nội dung chính sách khác.

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, bảo đảm vận hành của hệ thống, bộ máy nhà nước trong sạch, lành mạnh, linh hoạt, phù hợp, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp.

- Bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, gồm:

- Xây dựng Kế hoạch xây dựng dự án Luật.
- Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự án Luật⁵.
- Tổ chức nghiên cứu, xây dựng hồ sơ dự án Luật.
- Đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ, Cổng Pháp luật Quốc gia để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; gửi xin ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương⁶.
- Tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định⁷.

⁵ Quyết định số 2715/QĐ-BKHCN ngày 07/6/2026.

⁶ Công văn số 3999/BKHCN-CTS ngày 08/6/2026.

⁷ Ngày 16/6/2026, Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định dự án Luật (Quyết định số

- Bộ Tư pháp đã thực hiện thẩm định⁸ và cho ý kiến đối với dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định⁹.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp¹⁰.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Tờ trình số 127/TTr-BKHHCN trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật.

- Ngày 27/6/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 170/NQ-CP về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 6 năm 2026, trong đó giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình Quốc hội dự án Luật này tại Kỳ họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, Quốc hội khóa XVI.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Dự thảo Luật không sửa đổi, bổ sung nội dung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, theo đó chỉ tập trung sửa đổi phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm xử lý được các nội dung đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan đã được ban hành và sẽ hết hiệu lực vào ngày 28/02/2027. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng thực hiện theo quy định của Luật Tàn số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ hiện hành.

2. Bố cục của dự thảo luật

Dự thảo Luật gồm 05 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 28 Luật Giao dịch điện tử

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ

Điều 5. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

- Luật Tàn số vô tuyến điện:

+ Sửa đổi, bổ sung 08 điều¹¹ của Luật Tàn số vô tuyến điện theo hướng cắt

1491/QĐ-BTP); Ngày 18/6/2026, Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự án Luật.

⁸ Công văn số 344/BTP-BCTĐ ngày 23/6/2026.

⁹ Công văn số 4670/BTP-PLDSKT ngày 25/6/2026.

¹⁰ Công văn số 188/BC-BKHHCN ngày 27/6/2026.

¹¹ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20, khoản 4 Điều 20a, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 22, khoản 2 Điều 24 và bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 18a, khoản 2 Điều 19, điểm a khoản 3 Điều 20 Luật Tàn số vô tuyến điện.

giảm các điều kiện trong thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, bao gồm các điều kiện mang tính yêu cầu tuân thủ pháp luật chung (sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích, nghiệp vụ mà pháp luật không cấm); các điều kiện thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành khác (giấy phép viễn thông, giấy phép hoạt động báo chí hoặc quyền phát sóng phát thanh, truyền hình); các điều kiện liên quan đến trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện (sự phù hợp của thiết bị với quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ); các điều kiện mang tính cam kết thực hiện nghĩa vụ pháp lý trong quá trình hoạt động (cam kết bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, an toàn bức xạ vô tuyến điện); và các điều kiện liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đã được quy định tại các quy định khác của Luật (nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện). Riêng điều kiện có giấy phép viễn thông đối với trường hợp cấp giấy phép sử dụng băng tần để cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng được giữ lại do gắn trực tiếp với hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về viễn thông. Các điều kiện được cắt giảm tại dự thảo Luật là thống nhất, đầy đủ so với quy định tại Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP (mục 2.B (từ số I-VII) Phụ lục I.4) và Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP (mục 3.A (từ số II-VII) Phụ lục I.3).

+ Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 23 về thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để đồng bộ với việc cắt giảm các điều kiện cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, đồng thời Luật hóa quy định tại Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP (tiểu mục B. VI mục 2 Phụ lục I.4).

+ Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến 02 điều (điểm h khoản 2 Điều 5 và Điều 32) về người khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc các nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không, vô tuyến điện nghiệp dư phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên, đồng thời phân định thẩm quyền quy định các nội dung liên quan đến việc cấp, thu hồi chứng chỉ giữa các Bộ, ngành theo từng lĩnh vực để đồng bộ với việc cắt giảm ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện “*đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện*” tại Luật Đầu tư (theo quy định tại Nghị quyết số 66.17/NQ-CP), đồng thời Luật hóa quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP (tiểu mục 3.A.I và 3.A.VIII Phụ lục I.3) và thống nhất với quy định pháp luật về hàng hải và hàng không.

- Luật Viễn thông:

+ Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm d khoản 1 Điều 36 để thực hiện bãi bỏ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm c khoản 1 (“*Không đang trong quá trình giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”) và đơn giản hóa điều kiện kinh doanh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36 Luật Viễn thông (thay thế phương án kinh doanh, phương án kỹ thuật và tích hợp thành kế hoạch kinh doanh, kỹ thuật để đơn giản hóa thành phần hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông). Nội dung này luật hóa các quy định tại tiểu mục A mục 2 phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ. Đồng thời sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 36 và Điều 37

để đồng bộ các dẫn chiếu khi bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 36.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 48 để bãi bỏ nội dung Chính phủ quy định chi tiết điều kiện hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền. Nội dung này để đồng bộ với việc cắt giảm ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện “*Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền*” tại Luật Đầu tư (theo quy định tại Nghị quyết số 66.17/NQ-CP), đồng thời Luật hóa quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP (tiểu mục I.D, mục 3 của Phụ lục I.3).

- **Luật Giao dịch điện tử:** sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 28 để bãi bỏ 02 thủ tục hành chính về *gia hạn, thay đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy*. Nội dung này được sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn công tác chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, ứng dụng tối đa liên thông, đồng bộ các dữ liệu đã có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng thời luật hóa các nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ trước khi Nghị quyết này hết hiệu lực vào ngày 01/3/2027.

3.2. Nội dung phân quyền, phân cấp

- **Luật Chuyển giao công nghệ:** sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41 và khoản 2 Điều 54 để đẩy mạnh việc phân quyền và đồng bộ về thẩm quyền với quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng: *phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, phê duyệt, ban hành chương trình quốc gia về phát triển thị trường khoa học và công nghệ; quyết định chương trình, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ*, đồng thời luật hóa các nội dung về phân quyền tại Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ trước khi Nghị định này hết hiệu lực vào ngày 01/3/2027.

3.3. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- **Luật Tàn số vô tuyến điện:** sửa đổi, bổ sung quy định về cấp phép băng tần trong trường hợp đặc biệt đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh (điểm d khoản 4 Điều 18) để hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ quốc phòng, an ninh theo hướng điều chỉnh thời hạn cấp phép ban đầu khi thực hiện đề án, thời điểm đánh giá hiệu quả sử dụng băng tần để gia hạn đề án và thời hạn tiếp tục thực hiện đề án khi gia hạn (không thay đổi tổng thời hạn sử dụng).

- **Luật Viễn thông:** sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47 để bổ sung hình thức chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông theo thỏa thuận ngoài hình thức hợp đồng phù hợp với thực tiễn và đặc thù của việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức phục vụ quốc phòng, an ninh đang thực hiện theo Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 47 để làm rõ cơ chế hiệp thương giá chỉ áp dụng đối với trường hợp chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47, bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Giá. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 47 để thể hiện rõ việc giao Chính phủ quy định các cơ chế chính sách về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, qua đó tạo cơ sở pháp

lý đầy đủ để thể chế hóa các nội dung về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trong Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP tại Nghị định của Chính phủ.

Chính phủ đã rà soát Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP và nhận thấy liên quan đến vấn đề chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, Nghị quyết đang quy định một số nội dung chính như sau: (1) Quy định việc chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp viễn thông (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các công ty con do các doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ, không bao gồm doanh nghiệp quốc phòng, an ninh) cho các cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được thực hiện miễn phí trên cơ sở trao đổi thống nhất giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với doanh nghiệp. (2) Quy định cơ chế hạch toán, xử lý tài chính đối với các doanh nghiệp viễn thông do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ khi cho sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông miễn phí phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bao gồm: được trừ các chi phí phát sinh từ việc cho sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế; được loại trừ các chi phí này trong việc đánh giá xếp loại doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, kiểm soát viên của doanh nghiệp; được bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trong trường hợp việc cho sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông làm quy mô vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không đáp ứng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoặc làm phát sinh nhu cầu bổ sung vốn.

Qua rà soát, với các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 47 Luật Viễn thông nêu trên, dự thảo Luật đã xử lý đầy đủ vướng mắc, bất cập của Luật Viễn thông về chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đồng thời bảo đảm cơ sở pháp lý để Chính phủ thể chế hóa đầy đủ các cơ chế, chính sách về chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP theo đúng thẩm quyền. Việc giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này là phù hợp với tính chất đặc thù và đối tượng áp dụng hẹp của chính sách (chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, không bao gồm doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và các công ty con do các doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ), thống nhất với các quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm linh hoạt trong tổ chức thực hiện. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, theo đó luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc, thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, còn những nội dung cụ thể, thường xuyên phát sinh, biến động trong thực tiễn thì giao Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định để bảo đảm tính linh hoạt và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Song song với việc sửa đổi Luật, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông,

trong đó quy định cụ thể cơ chế, chính sách về chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên cơ sở kế thừa các nội dung của Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP (kèm theo hồ sơ dự án Luật).

Đối với các nội dung khác trong Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP về sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (là các công trình xây dựng) như cột điện, trạm điện, cáp điện ngầm, hành lang kỹ thuật dọc các tuyến đường bộ, đường sắt phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông mà sẽ được Chính phủ thể chế hóa trong quá trình sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

3.4. Nội dung bổ sung

Không có.

3.5. Nội dung lược bỏ

Không có.

3.6. Về hiệu lực thi hành

Dự thảo Luật xác định hiệu lực thi hành của Luật là kể từ ngày 01/3/2027 để bảo đảm không bị khoảng trống pháp lý khi các nghị định, nghị quyết của Chính phủ hết hạn vào ngày 28/02/2027.

3.7. Về việc xem xét không nêu tên cụ thể Bộ, ngành tại luật bảo đảm nguyên tắc Chính phủ thống nhất quản lý

Chính phủ nhận thấy yêu cầu này là phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ và phù hợp khi áp dụng cho các luật, nghị quyết xây dựng mới hoặc sửa đổi toàn diện. Tuy nhiên, dự án Luật này chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của 04 luật hiện hành, không sửa đổi tổng thể các luật. Nếu thực hiện ngay yêu cầu nêu trên tại dự án Luật này sẽ khó bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong nội tại 04 luật do nhiều nội dung của các luật này hiện hành vẫn đang giao Bộ trưởng quy định chi tiết¹². Do đó, Chính phủ kiến nghị Quốc hội cho phép tiếp tục quy định theo hướng giao Bộ trưởng quy định chi tiết tại dự án Luật này; việc điều chỉnh sẽ được thực hiện khi sửa đổi toàn diện từng luật.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

1. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Tàn số vô tuyến điện

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của Chính phủ tại Nghị quyết số 170/NQ-CP, dự thảo Luật đã:

- Bãi bỏ các quy định liên quan đến việc đào tạo vô tuyến điện viên tại Điều 32 Luật Tàn số vô tuyến điện.

¹² Qua rà soát 04 Luật (Tàn số vô tuyến điện, Viễn thông, Giao dịch điện tử và Chuyển giao công nghệ) có tổng cộng 53 điều giao thẩm quyền cho Bộ và Bộ trưởng, trong khi đó dự án Luật chỉ sửa 03 điều có nội dung giao thẩm quyền Bộ và Bộ trưởng (01 điều của Luật Tàn số vô tuyến điện và 02 điều của Luật Chuyển giao công nghệ), các điều còn lại nằm ngoài phạm vi sửa đổi lần này.

- Bổ sung việc sửa đổi, bổ sung quy định về cấp phép băng tần trong trường hợp đặc biệt đối với doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh tại điểm d khoản 4 Điều 18.

2. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Viễn thông

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, dự thảo Luật bổ sung việc sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 47 Luật Viễn thông trên cơ sở nghiên cứu ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tại cuộc họp Hội đồng thẩm định để đồng bộ với quy định của Luật Giá, bảo đảm cơ sở pháp lý tại luật để Chính phủ thể chế hóa các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP tại Nghị định.

VI. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; NGUỒN TÀI CHÍNH, NHÂN LỰC

1. Về tính tương thích của dự thảo Luật với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Dự thảo Luật không trái với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (Thẻ lệ vô tuyến điện quốc tế, Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên – STCW 1978, Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển – SOLAS 1974).

2. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Dự thảo Luật không có nội dung ảnh hưởng đến bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

3. Về nguồn tài chính, nhân lực

Nội dung của dự thảo Luật chỉ sửa đổi các quy định của 04 Luật để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thực hiện phân quyền, phân cấp, chuyển từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm, tổ chức, cá nhân tự chịu trách nhiệm thực hiện, không thay đổi quy trình và làm phát sinh thêm hồ sơ thực hiện các thủ tục hành chính, do đó sẽ làm giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, không làm phát sinh nhiệm vụ chi mới từ ngân sách nhà nước, không phát sinh biên chế, tổ chức bộ máy.

VII. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP; VIỆC ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ; VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Luật và các văn bản quy định chi tiết đã được rà soát toàn diện các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi điều chỉnh của các luật

nhằm bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng, Chính phủ tại các Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP, Nghị quyết 66.17/2026/NQ-CP, Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Theo đó, dự thảo Luật bãi bỏ 02 thủ tục hành chính, cắt giảm 47 điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa 04 điều kiện kinh doanh và sửa đổi, bổ sung 03 điều kiện kinh doanh; các văn bản quy định chi tiết Luật bãi bỏ 04 thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung 78 thủ tục hành chính. Cụ thể như sau:

- Đối với Luật Tàn số vô tuyến điện: dự thảo Luật cắt giảm 33 điều kiện trên tổng số 41 điều kiện kinh doanh được quy định trong Luật; dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật bãi bỏ 04 thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung 56 thủ tục hành chính.

- Đối với Luật Viễn thông: dự thảo Luật cắt giảm 14 điều kiện kinh doanh và đơn giản hóa 04 điều kiện kinh doanh tương ứng; dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung 22 thủ tục hành chính.

- Đối với Luật Giao dịch điện tử: dự thảo Luật bãi bỏ 02 thủ tục hành chính.

2. Về việc phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật phân định thẩm quyền quản lý chuyên ngành giữa các Bộ (Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Công an, Quốc phòng) trong việc quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện; phân quyền từ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ thành thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc phê duyệt và ban hành Chương trình quốc gia về phát triển thị trường khoa học, công nghệ; phê duyệt và ban hành chương trình, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học, công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nội dung của dự thảo Luật đáp ứng việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

Dự thảo Luật được áp dụng thống nhất đối với các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh, không phân biệt giới tính, dân tộc; không có quy định làm phát sinh bất bình đẳng giới hoặc phân biệt đối xử về dân tộc, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Việc triển khai thi hành Luật này trên cơ sở nguồn lực, điều kiện bảo đảm hiện có của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên

quan, không phát sinh biên chế, tổ chức bộ máy. Kinh phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, tổ chức thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua sẽ được sử dụng đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước. Do vậy, việc bảo đảm nguồn lực, điều kiện cho việc thi hành Luật là hoàn toàn khả thi.

2. Thời gian trình thông qua

Chính phủ đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung dự án Luật vào Chương trình lập pháp năm 2026; xem xét, thông qua dự án Luật theo trình tự, thủ tục rút gọn tại Kỳ họp không thường lệ.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ. Chính phủ kính trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ; (2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung của dự thảo Luật; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật; (4) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức; (5) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (7) Dự thảo 04 Luật hợp nhất; (8) Dự thảo 02 Nghị định quy định chi tiết; (9) Dự thảo Thông tư quy định chi tiết; (10) Ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức; (11) Báo cáo về dự kiến giao Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ có liên quan quy định chi tiết dự thảo Luật; (12) Công văn số 4670/BTP-PLDSKT ngày 25/6/2026 của Bộ Tư pháp cho ý kiến đối với nội dung tiếp thu, giải trình và hồ sơ dự án Luật sau thẩm định; (13) Nghị quyết số 170/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ; (14) Công văn số 4707/BKHCN-CTS ngày 30/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ; (15) Công văn số 3415/BCA-V03 ngày 02/7/2026 của Bộ công an).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban KH, CN & MT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- VPCP: BTCN, PCN Trần Anh Tiến, Trợ lý TTg, các Vụ: PL, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX.

40

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**



Vũ Hải Quân